

Số: /KH-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 8 năm 2024

KẾ HOẠCH Sản xuất nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu cây trồng vụ Mùa năm 2024

I. Nhận định tình hình thời tiết, thủy văn, nguồn nước

1. Tình hình thời tiết, thủy văn:

Theo dự báo của Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Ninh Thuận từ tháng 9 năm 2024 đến tháng 02 năm 2025 như sau: Hiện tại, hiện tượng ENSO đang ở pha trung tính; dự báo từ tháng 8-9/2024, ENSO có khả năng chuyển sang trạng thái La Nina với xác suất 65-75%, từ tháng 10-11/2024, dự báo hiện tượng ENSO tiếp tục duy trì ở trạng thái La Nina với xác suất khoảng 80-90%. Từ tháng 10-11/2024, trên Biển Đông có khả năng xuất hiện khoảng từ 04-05 cơn bão/ATNĐ, trong đó có khoảng 02-03 cơn đổ bộ vào đất liền. Khu vực tỉnh Ninh Thuận từ tháng 08-10/2024 ít có khả năng ảnh hưởng xoáy thuận nhiệt đới; từ tháng 11-12/2024 có khả năng ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp của 01-02 cơn xoáy thuận nhiệt đới. Nắng nóng xảy ra chủ yếu tháng 8, hiện tượng nắng nóng gay gắt với nhiệt độ 36-38°C. Nhiệt độ trung bình từ tháng 9-11/2024 phổ biến 26,0-27,7°C ở mức xấp xỉ đến cao hơn trung bình nhiều năm (TBNN); từ tháng 12/2024-02/2025 phổ biến 24,2-25,5°C ở mức xấp xỉ đến cao hơn TBNN. Dự báo tháng 10 và 11/2024, mực nước trên các sông suối khu vực tỉnh Ninh Thuận dao động nhỏ, xen kẽ xuất hiện lũ ở mức báo động 1 đến báo động 3, có nơi trên báo động 3, lượng dòng chảy trên các sông suối phổ biến xấp xỉ đến cao hơn TBNN.

Về dự báo lượng mưa: Lượng mưa khu vực ven biển: Từ tháng 9-11/2024, tổng lượng mưa 360-500 mm ở mức xấp xỉ đến thấp hơn TBNN; từ tháng 12/2024-02/2025, tổng lượng mưa 80-150 mm ở mức xấp xỉ TBNN cùng thời kỳ. Lượng mưa khu vực miền núi: Từ tháng 9-11/2024, tổng lượng mưa 450-650 mm, ở mức xấp xỉ đến cao hơn TBNN; từ tháng 12/2024-02/2025, tổng lượng mưa 70-130 mm ở mức xấp xỉ TBNN cùng thời kỳ.

2. Tình hình nguồn nước:

Tính đến ngày 13/8/2024, tổng dung tích 23 hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh hiện tích được 142,59/414,70 triệu m³ đạt 34,14% dung tích thiết kế; lượng nước chứa tại hồ Đơn Dương 60,17/165 triệu m³ đạt 36,47% dung tích thiết kế, lưu lượng nước vào hồ là 16,08 m³/s và lưu lượng xả qua nhà máy là 29,06 m³/s.

II. Kế hoạch sản xuất vụ Mùa năm 2024

1. Quan điểm chỉ đạo:

Ưu tiên nguồn nước đảm bảo phục vụ sinh hoạt cho Nhân dân, nước uống cho gia súc và các ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh, nguồn nước cho cây trồng

lâu năm. Tiếp tục theo dõi diễn biến tình hình thời tiết, đặc biệt là lượng nước được tích trữ tại các hồ chứa trên địa bàn tỉnh và hồ Đôn Dương để chủ động có phương án sản xuất linh hoạt, hiệu quả, tổ chức điều tiết nước hợp lý, tiết kiệm, phù hợp sản xuất cụ thể từng xứ đồng; ứng phó với việc sản xuất lệch vụ, thích ứng với biến đổi khí hậu. Quán triệt và thực hiện Phương châm hành động năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh **“Đoàn kết kỷ cương, chủ động linh hoạt, tăng tốc hiệu quả”** và thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ giải pháp cơ cấu lại ngành nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và xây dựng nông thôn được Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Tuyên truyền Nhân dân tổ chức sản xuất vụ Mùa năm 2024 đảm bảo đúng tiến độ, lịch thời vụ khuyến cáo của Ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Mục tiêu:

Phát huy lợi thế cạnh tranh các sản phẩm đặc thù theo chuỗi giá trị bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, đáp ứng nhu cầu thị trường; phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng an toàn thực phẩm, tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh nhằm nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho nông dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường, sinh thái và đảm bảo an ninh quốc gia.

3. Kế hoạch sản xuất:

Căn cứ dự báo tình hình khí tượng, thủy văn, nguồn nước trữ tại các hồ chứa trên địa bàn tỉnh và hồ Đôn Dương hiện tại, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch sản xuất nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu cây trồng vụ Mùa năm 2024, cụ thể như sau:

a) Tổng diện tích sản xuất vụ Mùa: **25.323,7 ha** (Lúa 14.234,7 ha; màu 11.089 ha), cụ thể như sau:

- Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm: 1.231,5 ha (Lúa 800 ha; màu 431,5 ha);
- Huyện Bác Ái: 2.630 ha (Lúa 760 ha; màu 1.870 ha);
- Huyện Ninh Sơn: 6.824,4 ha (Lúa 2.813,8 ha; màu 4.010,6 ha);
- Huyện Ninh Hải: 2.605 ha (Lúa 2.089,9 ha; màu 515,1 ha);
- Huyện Ninh Phước: 6.286,8 ha (Lúa 3.737 ha; màu 2.549,8 ha);
- Huyện Thuận Bắc: 4.102 ha (Lúa 2.984 ha; màu 1.118 ha);
- Huyện Thuận Nam: 1.644 ha (Lúa 1.050 ha; màu 594 ha).

b) Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng vụ Mùa: **214,15 ha** (chuyển đổi trên đất lúa 37,1 ha và đất khác 177,05 ha), trong đó: Cây ngắn ngày 174,95 ha và cây dài ngày 39,2 ha, cụ thể:

- Huyện Bác Ái: 30 ha (chuyển đổi trên đất lúa 10 ha và đất khác 20 ha), trong đó: Cây ngắn ngày 17 ha và cây dài ngày 13 ha.
- Huyện Ninh Sơn: 55 ha chuyển đổi trên đất lúa, sang cây ngắn ngày.

- Huyện Ninh Phước: 17,6 ha (*chuyển đổi trên đất lúa 4,6 ha và đất khác 13ha*), trong đó: Cây ngắn ngày 11,5 ha và cây dài ngày 6,1 ha.

- Huyện Thuận Nam: 60 ha (*chuyển đổi trên đất lúa 07 ha và đất khác 53ha*), trong đó: Cây ngắn ngày 56 ha và cây dài ngày 04 ha.

- Huyện Thuận Bắc: 34,1 ha (*chuyển đổi trên đất lúa 11,7 ha và đất khác 22,4 ha*), trong đó: Cây ngắn ngày 22 ha và cây dài ngày 12,1 ha.

- Thành phố Phan Rang- Tháp Chàm: 17,45 ha (*chuyển đổi trên đất lúa 3,8 ha và đất khác 13,65 ha*), trong đó: Cây ngắn ngày 13,45 ha và cây dài ngày 04ha.

(Chi tiết tại Phụ lục I, II)

III. Giải pháp thực hiện

1. Về công tác quản lý nhà nước:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo các đơn vị liên quan phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, vận động bà con nông dân xuống giống đúng thời vụ và cơ cấu giống theo hướng dẫn của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đồng thời, thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng đạt chỉ tiêu năm 2024.

- Thường xuyên cập nhật diễn biến thời tiết, khí hậu để có các biện pháp chỉ đạo, ứng phó kịp thời, hiệu quả. Hướng dẫn người dân đẩy mạnh đầu tư thâm canh, ứng dụng khoa học kỹ thuật như: sử dụng các giống mới, ngắn ngày, có khả năng kháng sâu bệnh tốt, cho năng suất chất lượng cao để tăng hiệu quả kinh tế.

- Tăng cường kiểm tra giám sát về chất lượng giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật để người dân yên tâm sản xuất; đồng thời, khuyến cáo người dân giảm lượng giống gieo sạ, hướng dẫn sử dụng phân bón hợp lý nhằm tiết kiệm chi phí.

2. Giải pháp về kỹ thuật:

- Xuống giống đúng thời vụ, tập trung theo cơ cấu giống và thời vụ đã được ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khuyến cáo. Đối với giống lúa, khuyến cáo sử dụng giống lúa cấp xác nhận, áp dụng kỹ thuật canh tác tiên tiến như: kỹ thuật “1 phải 5 giảm”, “3 giảm 3 tăng”; ưu tiên lựa chọn các giống ngắn ngày, giống có chất lượng; quản lý và điều tiết nước tiết kiệm, hiệu quả tùy vào giai đoạn sinh trưởng phát triển của cây; áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp IPM, dự tính dự báo sâu bệnh kịp thời; sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo nguyên tắc “4 đúng”¹.

- Đối với hoa màu: Xây dựng kế hoạch sản xuất rau màu linh hoạt, xem xét điều chỉnh cơ cấu giống rau củ, quả có thời gian bảo quản kéo dài, phù hợp thị trường, đảm bảo nhu cầu tiêu thụ rau tại địa phương, cung ứng ngoài tỉnh, chú trọng biện pháp luân canh mùa vụ, thiết kế hệ thống tưới hợp lý, quản lý dịch hại

¹ - “1 phải” là phải sử dụng giống lúa xác nhận và “5 giảm” là giảm lượng giống gieo sạ, giảm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, giảm phân bón, giảm lượng nước tưới (tiết kiệm nước) và giảm thất thoát sau thu hoạch.

- “3 giảm” là giảm lượng giống gieo, giảm lượng phân bón, giảm thuốc trừ sâu và “3 tăng” là tăng năng suất, tăng chất lượng, tăng hiệu quả.

- “4 đúng” là đúng thuốc, đúng nồng độ liều lượng, đúng lúc, đúng cách.

và bón phân cân đối. Trên đất chuyển đổi trồng lúa sang trồng màu cần chú trọng hệ thống tưới, tiêu nội đồng, không để úng cục bộ.

- Tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ từ các nguồn phế phẩm chăn nuôi để giảm bớt phân bón hóa học và thuốc trừ sâu bệnh nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất cho người nông dân.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương hướng dẫn thực hiện gieo trồng đúng khung lịch thời vụ và cơ cấu giống vụ Mùa năm 2024.

- Chỉ đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tăng cường công tác dự tính, dự báo các đối tượng sinh vật gây hại trên cây trồng và hướng dẫn nông dân thực hiện kịp thời; phối hợp với các địa phương triển khai kế hoạch sản xuất cánh đồng lớn đạt kết quả tốt, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện, đảm bảo đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Hướng dẫn nông dân áp dụng kịp thời các biện pháp “3 giảm 3 tăng”, “1 phải 5 giảm”,... nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông chủ động phối hợp với địa phương và các đơn vị liên quan hỗ trợ tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật trong chuyển đổi cây trồng vụ Mùa năm 2024 nhằm đạt chỉ tiêu được giao trong năm. Xây dựng, nhân rộng mô hình, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về giống, công nghệ và thiết bị phù hợp để hỗ trợ nông dân sản xuất hiệu quả.

- Chỉ đạo Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan, chính quyền địa phương tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chất lượng nông sản; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng chất cấm dùng trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản và thủy sản nhằm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chính sách hỗ trợ của nhà nước cho người dân biết, tiếp cận; sử dụng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chuyển giao để chủ động đăng ký thực hiện chuyển đổi cây trồng vụ Mùa năm 2024 phù hợp với điều kiện tại địa phương. Đồng thời, kêu gọi các Công ty, doanh nghiệp, đại lý thu mua nông sản trên địa bàn phối hợp, hỗ trợ bà con nông dân trong việc cung ứng vật tư và tiêu thụ nông sản.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất nông nghiệp vụ Mùa năm 2024 trên địa bàn; phối hợp chặt chẽ với ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, khuyến cáo nhân dân tổ chức xuống giống tập trung, đồng loạt, dứt điểm từng khu vực, xứ đồng theo lịch thời vụ.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn hướng dẫn nông dân thực hiện nghiêm túc lịch thời vụ và cơ cấu giống vụ Mùa năm 2024 theo khuyến cáo của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Phối hợp với ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện tốt các

chương trình, mô hình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Thực hiện quyết liệt chuyển đổi cơ cấu cây trồng, xây dựng và thực hiện mô hình sản xuất cánh đồng lớn đạt hiệu quả.

- Phối hợp với Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tổ chức rà soát, có giải pháp phù hợp duy trì hoạt động các tổ PIM để tổ chức quản lý, điều tiết nước tại từng cánh đồng, vùng sản xuất, tránh tình trạng các vùng sản xuất đầu nguồn thì lãng phí nguồn nước, vùng sản xuất cuối nguồn không đủ nước để sản xuất,...

3. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi:

- Tiếp tục theo dõi tình hình khí hậu, thời tiết, lượng mưa trong thời gian tới, đồng thời thường xuyên phối hợp với Công ty Cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi thống nhất kế hoạch cấp nước từ nay đến cuối năm 2024 để phục vụ nước sinh hoạt và sản xuất của Nhân dân trên địa bàn tỉnh đảm bảo hiệu quả, phù hợp theo từng thời điểm.

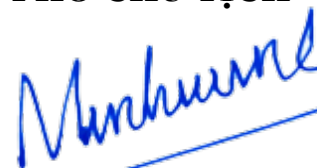
- Tiến hành nạo vét các kênh mương, gia cố các bờ đập, khơi thông dòng chảy, đảm bảo điều tiết nước kịp thời, phù hợp theo từng giai đoạn sinh trưởng phát triển của cây trồng. Quán triệt đến từng địa phương về khả năng đảm bảo của nguồn nước, không tổ chức sản xuất vượt quá năng lực phục vụ của công trình thủy lợi, thực hiện chuyển đổi cây trồng tại những nơi có khả năng thiếu nước. Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện điều tiết nước hợp lý, tiết kiệm, phù hợp với lịch sản xuất, cụ thể đến từng khu vực, xứ đồng, tránh lãng phí nguồn nước.

Yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và đơn vị liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch sản xuất nông nghiệp và chuyển đổi cây trồng vụ Mùa năm 2024 đảm bảo đạt hiệu quả. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị tại mục IV;
- Hội Nông dân tỉnh;
- Báo Ninh Thuận, Đài PTTH tỉnh;
- VPUB: LĐ, TCD, VXVN, KTTH;
- Lưu: VT. HC

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trịnh Minh Hoàng

TT	Danh mục	ĐVT	Tổng số	Chia ra các huyện, thành phố						
				Phan Rang-Tháp chàm	Bác Ái	Ninh Sơn	Ninh Hải	Ninh Phước	Thuận Bắc	Thuận Nam
2	Cây lấy củ có chất bột	ha	191,3	3,5	100,0	41,0	-	5,8	41,0	-
2.1	Khoai lang									
	Diện tích	ha	62,2	3,5	-	41,0	-	5,7	12,0	-
	Năng suất	tạ/ha	117,5	80,0	-	140,0	-	80,0	80,0	-
	Sản lượng	tấn	730,6	28,0	-	574,0	-	45,6	83,0	-
2.2	Sắn (mì)	ha	129,1	-	100,0	-	-	0,1	29,0	-
3	Cây mía	ha								
	Diện tích	ha	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Cây rau, đậu, hoa các loại	ha	3.216,7	337,7	315,0	662,2	62,2	1.244,6	223,0	372,0
4.1	Rau các loại:									
	Diện tích	ha	2.439,2	315,0	115,0	485,1	62,2	1.159,9	137,0	165,0
	Năng suất	tạ/ha	173,9	520,0	120,0	130,0	170,0	120,0	135,0	92,0
	Sản lượng	tấn	42.410,0	16.380,0	1.380,0	6.306,3	1.057,4	13.918,8	1.849,5	1.518,0
4.2	Đậu hạt các loại									
	Diện tích	ha	756,5	6,7	200,0	177,1	-	79,7	86,0	207,0
	Năng suất	tạ/ha	8,8	11,0	7,5	9,0	-	12,0	8,7	8,5
	Sản lượng	tấn	663,2	7,4	150,0	159,4	-	95,6	74,8	176,0
4.3	Hoa các loại	ha	21	16,0	-	-	-	5,0	-	-
5	Cây có hạt chứa dầu	ha	159,8	3,7	5,0	119,0	-	27,1	-	5,0
5.1	Lạc									
	Diện tích	ha	154,8	3,7	-	119,0	-	27,1	-	5,0
	Năng suất	Tạ/ha	21,1	20,0	-	20,0	-	26,0	-	20,0
	Sản lượng	tấn	325,9	7,4	-	238,0	-	70,5	-	10,0
5.2	Mè									
	Diện tích	ha	5,0	-	5,0	-	-	-	-	-
	Năng suất	tạ/ha	7,0	-	7,0	-	-	-	-	-
	Sản lượng	tấn	3,5	-	3,5	-	-	-	-	-

TT	Danh mục	ĐVT	Tổng số	Chia ra các huyện, thành phố						
				Phan Rang-Tháp chàm	Bác Ái	Ninh Sơn	Ninh Hải	Ninh Phước	Thuận Bắc	Thuận Nam
6	Thuốc lá, thuốc Lào			-	-		-	-	-	-
	Diện tích	ha	-	-	-		-	-	-	-
	Năng suất	tạ/ha		-			-	-	-	-
	Sản lượng	tấn	-	-	-		-	-	-	-
7	Cây gia vị, dược liệu hàng năm	ha	205,6	18,6	-	66,6	2,0	69,4	34,0	15,0
7.1	Cây gia vị hàng năm	ha	169,0	18,6	-	45,0	2,0	69,4	19,0	15,0
7.2	Cây dược liệu hàng năm	ha	36,6	-	-	21,6	-	-	15,0	-
8	Cây hàng năm khác	ha	1.750,5	53,0	120,0	869,9	53,0	443,6	146,0	65,0
8.1	Cỏ làm thức ăn gia súc	ha	1.726,2	40,0	120,0	869,9	53,0	432,3	146,0	65,0
8.2	Ngô sinh khối	ha	-		-		-	-	-	
8.3	Cây hàng năm khác còn lại	ha	24,3	13,0	-		-	11,3	-	-
II. Diện tích sản xuất ngoài hệ thống tưới			2.580,6	-	230,0	1.413,7	397,9	-	539,0	-
1	Lúa									
	Diện tích	ha	436,8	-	-	428,8	-		8,0	
	Năng suất	tạ/ha	59			58,8	-		57,0	
	Sản lượng	tấn	2.566,9	-	-	2.521,3	-		45,6	
2	Ngô									
	Diện tích	ha	1.124,7		140,0	717,7			267,0	
	Năng suất	tạ/ha	49,7		32,0	57,5			38,0	
	Sản lượng	tấn	5.589,4		448,0	4.126,8			1.014,6	
3	Rau các loại									
	Diện tích	ha	573,9	-	5,0	150,0	336,9		82,0	
	Năng suất	tạ/ha	154,1		115,0	130,0	170,0		135,0	
	Sản lượng	tấn	8.841,8		57,5	1.950,0	5.727,3		1.107,0	

TT	Danh mục	ĐVT	Tổng số	Chia ra các huyện, thành phố						
				Phan Rang-Tháp chàm	Bác Ái	Ninh Sơn	Ninh Hải	Ninh Phước	Thuận Bắc	Thuận Nam
4	Đậu hạt các loại									
	Diện tích	ha	241,0	-	55,0	50,0	-	-	136,0	-
	Năng suất	tạ/ha	8,37	-	7,0	9,0		-	8,7	-
	Sản lượng	tấn	201,8	-	38,5	45,0		-	118,3	-
5	Cây sắn (mì)	ha	49,0	-	30,0				19,0	
6	Mía	ha	-						-	
7	Cỏ chăn nuôi	ha	101,0		-	40,0	61,0		-	
8	Cây hàng năm khác còn lại	ha	54,2	-	-	27,2			27,0	

Phụ lục II
KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI CÂY TRỒNG VỤ MÙA NĂM 2024
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Địa phương	Tổng cộng (ha)	Trong đó					
			Diện tích chuyển đổi trên đất lúa (ha)			Diện tích chuyển đổi trên đất khác (ha)		
			Tổng	Cây ngắn ngày	Cây dài ngày	Tổng	Cây ngắn ngày	Cây dài ngày
1	Huyện Bác Ái	30	10	7	3	20	10	10
2	Huyện Ninh Sơn	55	0	0	0	55	55	0
3	Huyện Ninh Phước	17,6	4,6	3	1,6	13	8,5	4,5
4	Huyện Thuận Nam	60	7	6	1	53	50	3
5	Huyện Thuận Bắc	34,1	11,7	8,8	2,9	22,4	13,2	9,2
6	TP. Phan Rang- Tháp Chàm	17,45	3,8	1,8	2	13,65	11,65	2
7	Huyện Ninh Hải	0	0	0	0	0		0
	Tổng cộng	214,15	37,1	26,6	10,5	177,05	148,35	28,7